

Bản tin Phân tích kỹ thuật

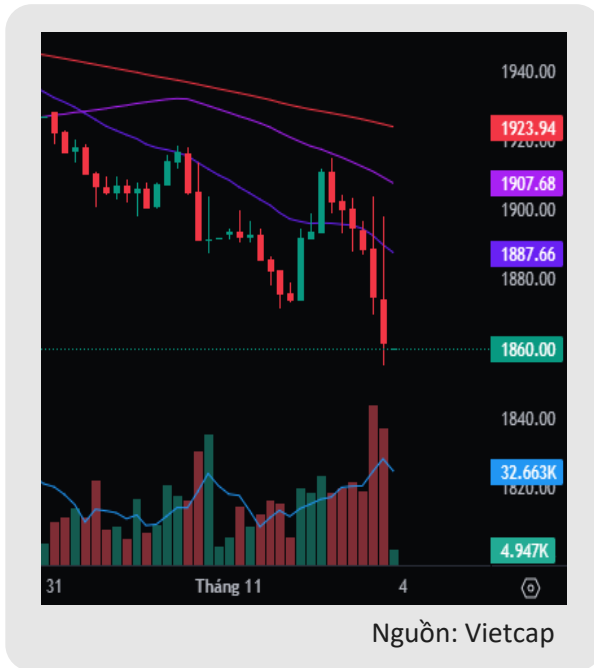
03/11/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 4111FB000 đóng cửa với tín hiệu bán, không ghi nhận hoạt động hồi phục đáng kể khi tiếp cận vùng giá thấp 1.860 điểm. (M15)
- Vị thế bán được mở với mục tiêu là vùng 1.845 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1.870 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 1.863 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.845 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.870 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- Chỉ số VN-Index giảm về vùng giá 1.620 điểm và không ghi nhận hoạt động mua giá thấp trong phiên với áp lực cung chi phối trên mọi phân khúc vốn hóa. Đáng chú ý, hoạt động bán có phần gia tăng so với các phiên điều chỉnh trước bởi khối lượng giao dịch tăng 25%. Trong ngắn hạn, tất cả các chỉ số có tín hiệu Tiêu cực bởi biên độ điều chỉnh cao.
- Hoạt động bán tăng trên diện rộng ở các nhóm ngành Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán, Vật liệu,... trong khi lực cầu trong phiên phần lớn tập trung trên cổ phiếu Bảo hiểm. Về tín hiệu kỹ thuật, nhóm Bán lẻ, Bảo hiểm, Bất động sản có số cổ phiếu giữ được cấu trúc tăng lẫn át số mã có cấu trúc giảm trong ngành.
- Chỉ số VN-Index tiếp cận vùng giá 1.620 điểm, không ghi nhận hoạt động mua giá thấp với áp lực cung chi phối đến cuối ngày. Dự báo phiên 04/11, chỉ số sẽ tiếp tục chịu quán tính giảm với mục tiêu là vùng 1.600 điểm và vùng 1.540 điểm sẽ là mục tiêu điều chỉnh tiếp theo nếu chỉ số VN-Index thiếu sự hỗ trợ từ lực cầu giá thấp.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	195,400	2.30%	-8.69%	752,879	4.467	2,287	5.2	85.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TCB	33,600	-4.27%	-4.14%	238,098	-2.620	3,113	1.5	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	27,600	-3.83%	-2.47%	218,976	-2.161	2,603	1.4	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	52,300	-5.77%	-4.21%	98,597	-1.464	6,519	1.6	8.0	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDB	30,550	-4.53%	-1.77%	117,444	-1.371	4,127	1.8	7.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HPG	26,050	-2.43%	-0.76%	199,946	-1.254	1,876	1.6	13.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	31,350	-5.86%	-13.16%	71,237	-1.074	2,144	1.6	14.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	23,100	-2.12%	-2.94%	186,070	-1.015	3,017	1.5	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSN	77,000	-3.27%	-1.91%	111,335	-0.937	2,196	3.3	35.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	32,500	-5.25%	-6.61%	67,467	-0.912	1,882	2.2	17.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	16,000	-3.90%	-1.94%	80,117	-0.805	413	1.4	38.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VHM	98,500	-0.71%	-7.51%	404,580	-0.735	6,133	1.9	16.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIX	26,050	-6.96%	-15.97%	39,894	-0.716	2,766	2.0	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BVH	54,300	6.89%	9.04%	40,308	0.715	3,594	1.6	15.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	28,350	-2.41%	3.47%	113,400	-0.704	1,569	2.0	18.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVI	81,000	9.61%	10.96%	18,974	2.463	5,156	2.1	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	20,800	-9.57%	-9.57%	18,709	-2.418	1,519	1.6	13.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	22,900	-9.84%	-17.63%	12,994	-1.728	360	2.1	63.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,500	-5.71%	2.48%	17,627	-1.361	488	1.7	33.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	28,000	-3.78%	-4.44%	18,444	-0.942	1,668	2.6	16.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	14,400	-1.37%	-4.00%	27,715	-0.513	-3,977	4.1	-3.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PRE	23,200	8.41%	14.85%	2,422	0.275	2,534	1.4	9.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTK	11,700	-2.50%	-2.50%	7,988	-0.270	1,116	0.9	10.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	13,000	-1.52%	0.00%	13,042	-0.267	1,055	1.0	12.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	80,500	-0.25%	-1.83%	72,433	-0.243	4,851	6.1	16.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	174,900	9.66%	17.46%	181,214	4.008	7,722	11.3	22.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	77,100	-2.90%	8.44%	243,907	-1.619	3,046	6.4	26.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	21,900	-6.41%	-7.59%	24,813	-0.364	-389	2.1	-58.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNH	48,000	-4.95%	-14.29%	18,867	-0.214	2,417	15.6	18.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
ACV	55,200	-0.36%	3.37%	200,363	-0.166	2,971	3.0	18.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	48,500	1.04%	9.48%	57,940	0.138	1,438	4.3	33.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KLB	15,800	-5.39%	-2.47%	9,267	-0.114	2,609	1.2	6.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJG	20,800	-4.59%	3.48%	9,820	-0.103	1,954	1.3	11.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	12,700	-2.31%	-0.78%	13,259	-0.070	1,997	0.8	6.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	10,600	-2.75%	0.00%	11,036	-0.070	384	1.1	27.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVI	81,000	9.6%	33.0	3.7	44,874	73,900	2.1	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MIG	18,800	4.4%	31.8	6.1	13,266	18,740	1.5	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	20,950	6.6%	47.3	10.3	15,929	20,618	1.1	10.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	35,100	6.5%	94.2	30.6	19,850	32,950	1.7	73.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	29,200	5.0%	24.0	17.6	10,539	28,666	2.7	36.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HII	5,300	0.8%	5.3	0.7	3,640	5,260	0.4	5.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	4,170	6.9%	8.1	1.9	2,500	3,900	0.4	5.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMI	20,950	6.6%	47.3	10.3	15,929	20,618	1.1	10.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	81,000	9.6%	33.0	3.7	44,874	73,900	2.1	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BIC	25,500	4.9%	14.5	3.2	17,741	31,596	1.6	9.1	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
QCG	14,150	6.8%	20.8	15.5	8,650	15,500	0.9	34.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			03/11/2025	31/10/2025	30/10/2025	29/10/2025	28/10/2025	27/10/2025	24/10/2025	23/10/2025	22/10/2025	21/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	53%	54%	55%	56%	52%	49%	49%	49%	49%	47%
		Dưới	47%	46%	45%	44%	48%	51%	51%	51%	51%	53%
	MA50	Trên	29%	33%	31%	29%	24%	24%	23%	23%	23%	20%
		Dưới	71%	67%	69%	71%	76%	76%	77%	77%	77%	80%
	MA20	Trên	35%	39%	42%	41%	30%	26%	24%	24%	23%	18%
		Dưới	65%	61%	58%	59%	70%	74%	76%	76%	77%	82%
VN30	MA200	Trên	67%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	63%	67%
		Dưới	33%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	37%	33%
	MA50	Trên	30%	30%	30%	27%	30%	20%	23%	23%	23%	23%
		Dưới	70%	70%	70%	73%	70%	80%	77%	77%	77%	77%
	MA20	Trên	27%	27%	40%	40%	40%	27%	33%	33%	27%	20%
		Dưới	73%	73%	60%	60%	60%	73%	67%	67%	73%	80%
HNX	MA200	Trên	46%	47%	47%	48%	45%	45%	44%	46%	45%	45%
		Dưới	54%	53%	53%	52%	55%	55%	56%	54%	55%	55%
	MA50	Trên	35%	36%	35%	35%	35%	34%	32%	32%	32%	31%
		Dưới	65%	64%	65%	65%	65%	66%	68%	68%	68%	69%
	MA20	Trên	46%	47%	47%	48%	45%	45%	44%	46%	45%	45%
		Dưới	54%	53%	53%	52%	55%	55%	56%	54%	55%	55%
UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	32%	32%	29%	30%	28%	28%	27%	27%
		Dưới	67%	67%	68%	68%	71%	70%	72%	72%	73%	73%
	MA50	Trên	35%	35%	34%	33%	31%	33%	31%	30%	30%	31%
		Dưới	65%	65%	66%	67%	69%	67%	69%	70%	70%	69%
	MA20	Trên	42%	42%	41%	41%	40%	41%	40%	40%	40%	39%
		Dưới	58%	58%	59%	59%	60%	59%	60%	60%	60%	61%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 11										Tháng 10									
	03 ↓	31	30	29	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07
1 Viễn thông	68	68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2 Bảo hiểm	68	62	62	53	53	50	46	41	35	28	31	35	35	36	37	42	47	50	51	56
3 Công nghệ Thông tin	57	58	52	48	43	35	30	29	29	20	14	14	16	18	21	24	29	30	29	31
! 4 Bất động sản	55	58	59	53	50	55	65	66	65	67	75	82	78	74	74	72	67	62	61	61
5 Điện, nước & xăng d...	55	56	50	44	38	31	32	36	31	25	27	35	36	36	39	41	43	44	44	45
6 Thực phẩm và đồ uố...	54	54	55	51	47	45	46	47	47	45	49	52	53	54	56	61	61	62	60	61
7 Dầu khí	53	48	41	39	38	39	41	39	35	31	33	37	37	30	33	37	46	41	34	36
8 Hàng cá nhân & Gia ...	52	50	46	43	44	37	30	28	27	22	24	29	28	27	28	32	33	31	31	33
! 9 Bán lẻ	51	57	59	60	55	55	57	59	57	51	53	61	63	62	61	62	63	59	55	53
10 Hóa chất	50	51	49	42	36	34	33	34	29	23	26	29	30	32	34	39	40	37	35	36
↘ 11 Tài nguyên Cơ bản	46	46	49	45	43	43	45	49	49	44	46	50	51	52	52	56	59	58	59	61
! 12 Hàng & Dịch vụ Côn...	45	49	51	49	43	43	47	46	45	41	40	43	44	44	41	43	46	47	47	50
↘ 13 Xây dựng và Vật liệu	44	48	47	42	42	44	47	51	51	52	56	59	55	55	58	62	63	62	63	62
14 Ô tô và phụ tùng	39	43	42	41	37	36	35	35	34	34	29	32	34	32	34	37	40	41	40	40
↘ 15 Du lịch và Giải trí	39	41	44	44	47	47	48	47	47	45	47	53	56	58	58	59	54	54	55	45
↘ 16 Ngân hàng	38	44	49	47	43	44	49	52	54	53	61	68	74	73	74	77	77	74	71	73
↘ 17 Dịch vụ tài chính	24	28	32	32	31	30	39	44	47	48	53	60	60	59	60	62	61	62	63	63

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	77,100	-2.9%	8.4%	243,907	6.4	26.3	3,046	152.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MCH	174,900	9.7%	17.5%	181,214	11.3	22.2	7,722	224.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	41,200	0.0%	4.3%	54,708	1.8	7.1	5,767	20.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	81,000	9.6%	11.0%	18,974	2.1	15.7	5,156	33.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	173,800	2.2%	4.1%	14,227	4.5	11.9	14,639	46.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	22,150	2.3%	10.5%	12,313	0.7	13.8	1,602	357.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HAH	62,600	2.0%	11.8%	10,571	2.5	8.8	7,151	273.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KOS	39,200	0.9%	1.6%	8,486	3.6	561.9	70	15.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGX	12,300	-1.6%	2.5%	6,191	0.9	8.5	1,461	9.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSH	39,000	0.5%	8.9%	4,388	2.0	7.4	5,293	28.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MIG	18,800	4.4%	9.0%	3,976	1.5	9.9	1,906	31.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KHG	8,310	-2.2%	16.2%	3,735	0.7	57.4	145	166.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	38,950	-0.3%	3.6%	3,384	1.3	9.7	4,002	37.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	35,000	1.3%	1.9%	3,381	1.6	11.0	3,182	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	20,950	6.6%	7.7%	3,154	1.1	10.5	1,988	47.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	35,100	6.5%	13.2%	2,564	1.7	73.7	476	94.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	14,500	1.4%	3.6%	2,464	1.3	43.6	333	5.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TRC	77,300	-0.9%	10.3%	2,319	1.1	6.6	11,743	18.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	29,200	5.0%	9.8%	1,541	2.7	36.6	797	24.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	59,300	-3.1%	12.1%	1,288	2.6	7.3	8,200	10.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
EIB	21,500	-2.9%	-4.2%	40,048	1.5	13.2	1,635	114.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	36,000	-3.0%	-3.7%	26,014	2.1	22.7	1,589	320.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	22,350	-4.1%	-6.7%	24,137	2.3	15.5	1,443	360.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	44,800	-0.7%	-3.2%	16,497	1.6	8.5	5,278	6.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAS	9,000	-4.3%	-5.3%	2,096	0.8	13.0	703	18.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPG	6,450	-6.9%	-9.0%	570	0.4	-5.6	-1,160	7.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NAG	10,400	-9.6%	-11.1%	402	0.9	11.3	923	16.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,300	-0.5%	0.2%	495,492	2.2	14.1	4,202	167.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,100	-0.8%	1.6%	260,493	1.6	9.8	3,781	92.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,750	0.3%	1.1%	50,499	1.3	7.6	2,332	50.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,900	-5.5%	-6.5%	26,414	0.7	-6.6	-1,958	164.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	134,800	0.1%	-0.1%	22,070	3.3	1.4	96,612	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	24,150	-4.0%	-4.2%	8,274	1.9	27.2	889	7.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NTC	159,200	-2.1%	-3.5%	3,821	3.0	9.8	16,326	20.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
AGR	15,600	-2.8%	-2.5%	3,562	1.4	22.8	683	15.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	33,100	-1.8%	2.8%	2,390	0.9	9.3	3,550	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	15,100	-2.9%	-2.6%	2,377	0.9	86.1	175	19.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	12,150	-2.8%	-2.0%	2,330	1.1	15.1	806	19.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	17,800	-2.7%	-1.1%	2,171	1.3	-145.6	-122	22.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	18,000	-2.7%	-2.4%	2,060	0.8	15.4	1,172	30.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	17,450	0.87%	2.85%	25,500	47.4%	178	1.4	97.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
IDC	38,200	0.26%	5.82%	56,100	47.2%	4,849	2.2	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	12,900	-5.49%	-6.52%	20,000	46.5%	(1,958)	0.7	-6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	32,500	-0.91%	4.84%	45,000	37.2%	3,040	1.1	10.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	30,900	-0.96%	3.00%	42,400	35.9%	1,763	1.8	17.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,750	-0.95%	0.00%	64,100	35.8%	3,090	2.3	15.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,770	-6.95%	-7.39%	14,100	34.3%	639	0.9	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ACV	55,200	-0.36%	3.37%	74,300	34.1%	2,971	3.0	18.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	20,950	6.62%	7.71%	26,200	33.3%	1,988	1.1	10.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	34,550	-1.29%	0.44%	46,600	33.1%	3,578	1.7	9.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,050	-2.43%	-0.76%	35,300	32.2%	1,876	1.6	13.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	34,000	-5.16%	4.62%	47,100	31.4%	857	2.1	39.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	56,500	0.36%	3.67%	73,900	31.3%	5,474	2.7	10.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	95,500	-0.52%	2.80%	126,000	31.3%	8,296	2.3	11.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PC1	24,150	1.47%	8.30%	31,100	30.7%	1,584	1.5	15.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	59,300	-0.50%	0.17%	77,600	30.2%	4,202	2.2	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	37,000	-6.92%	0.54%	51,600	29.8%	2,195	1.8	16.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	27,600	-3.83%	-2.47%	37,000	28.9%	2,603	1.4	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	18,850	-6.91%	-6.68%	26,000	28.4%	401	1.5	47.0	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
MSN	77,000	-3.27%	-1.91%	101,200	27.1%	2,196	3.3	35.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn